

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/KDTM-PT

Ngày 01-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Đặng Văn Nhữn

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A. Địa chỉ trụ sở chính: Số 442, đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của Ngân hàng TMCP A: Bà Đinh Thị H - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Tòa nhà A, Số 444A-446, đường C, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2022, có mặt).

- Bị đơn: Hợp tác xã D. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 02, ấp M, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã D: Ông Đoàn Công Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Số 275/3, ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2022, vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Công Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 275/3, ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

4. Bà Đặng Thị Tô M, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 151/5, ấp V, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền của bà M và ông T: Bà Huỳnh Thị Kim N1, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Số 333/57, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Thanh T, bà Đặng Thị Tô M, ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 31/5/2022 của Ngân hàng TMCP A và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của bà Đình Thị H là người đại diện theo ủy quyền có nội dung như sau:

Ngày 28/8/2020, Ngân hàng A cho Hợp tác xã D vay số tiền 11.100.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh theo Thỏa thuận tín dụng chung số OIK.DN.842.280820, Hợp đồng tín dụng số OIK.DN.1066.280.820, lãi suất cho vay trong hạn là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, cố định trong 06 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm, 05 khế ước nhận nợ, mỗi khế ước nhận nợ là 2.000.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 21/8/2021 đến ngày 20/02/2022 và từ ngày 22/8/2021 đến ngày 21/02/2022, tiền lãi trả hàng tháng trả theo mỗi khế ước nhận nợ. Bao gồm tiền vốn vay 10.000.000.000đ, lãi trong hạn 71.260.272đ, lãi quá hạn 1.642.767.122đ, lãi phạt 66.530.029đ, tổng cộng 11.780.557.423đ.

Ngày 04/8/2021, Ngân hàng A cho Hợp tác xã D vay số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để thực hiện theo Chỉ thị 02 của Ngân hàng nhà nước, thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số OIK.DN.1054280721 và Hợp đồng tín dụng số OIK.DN.2179.270721, lãi suất cho vay trong hạn là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm, 05 khế ước nhận nợ, mỗi khế ước nhận nợ là 80.000.000đ, thời hạn thanh toán hợp đồng vay đến ngày 21/8/2024, tiền lãi trả hàng tháng trả theo mỗi khế ước nhận nợ. Bao gồm tiền vốn vay 400.000.000đ, lãi trong hạn 10.060.272đ, lãi quá hạn 47.191.700đ, lãi phạt 2.357.195đ, tổng

cộng 459.609.167đ.

Ngày 30/11/2020, Ngân hàng A với Hợp tác xã D ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp số OIK.DN.3074.251120, số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, người được ủy quyền sử dụng thẻ là ông Đoàn Công Đ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Bao gồm tiền vốn vay 568.533.009đ, lãi quá hạn 239.420.730đ, tổng cộng 807.953.739đ.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Ngân hàng A và Hợp tác xã D đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm với bên thứ ba, cụ thể:

1. Quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.998,8m², đất tại xã Phú Ngãi Trị, huyện C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số CI 467585, số vào sổ cấp GCN: CS 08363 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 11/7/2017 cho ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay OIK.BĐDN.112280.820, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.151, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

2. QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.637m², đất tại xã Vĩnh Công, huyện C theo GCNQSDĐ số CI 467359, số vào sổ cấp GCN: CS 05579 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 26/6/2017 cho ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.122.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.153, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

3. QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 64, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.784,7m², đất tại xã D, huyện C theo GCNQSDĐ số BĐ 380783, số vào sổ cấp GCN: CH 01953 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/12/2010 cho ông Nguyễn Ngọc Thanh T và bà Đặng Thị Tố M, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.134.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.164 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

4. QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 63, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.893,7m², đất tại xã D, huyện C theo GCNQSDĐ số BĐ 380784, số vào sổ cấp GCN: CH 01952 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/12/2010 cho ông Nguyễn Ngọc Thanh T và bà Đặng Thị Tố M, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.134.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.164 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

Thực hiện các hợp đồng trên, Hợp tác xã D đã vi phạm thỏa thuận, cụ thể không thanh toán gốc và các khoản lãi cho Ngân hàng A mặc dù Ngân hàng A đã nhắc nhở nhiều lần. Tính đến ngày 12/4/2023, Hợp tác xã D chưa thanh toán

cho Ngân hàng A khoản vốn vay của hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát thẻ cụ thể như sau: Vốn vay gốc là 10.968.533.009đ, lãi trong hạn là 81.320.544đ, lãi quá hạn 1.929.379.552đ, phạt lãi chậm trả lãi là 68.887.224đ, tổng cộng 13.048.120.329đ.

Mặc dù hiện nay hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng chưa đến hạn nhưng Hợp tác xã D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A yêu cầu Hợp tác xã D phải thanh toán tổng cộng vốn vay và các khoản lãi của hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng trên là 13.048.120.329đ, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các khoản lãi phát sinh sau ngày 12/4/2023 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát thẻ cho đến khi Hợp tác xã D thanh toán xong nợ.

Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp hợp đồng vay tiếp tục thực hiện đến khi Hợp tác xã D thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Hợp tác xã D không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh đã thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận. Toàn bộ số tiền thu được dùng để thực hiện trả nợ cho Hợp tác xã D đối với Ngân hàng. Trường hợp tài sản thế chấp của bà M, ông T, ông Đ, bà N không đủ để trả nợ thì bà M, ông T, ông Đ, bà N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nợ còn lại cho Ngân hàng theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 28/8/2020 và ngày 04/8/2021. Nếu sau khi bà M, ông T, ông Đ, bà N thực hiện trả nợ theo Giấy cam kết ngày 28/8/2020 và ngày 04/8/2021 vẫn không đủ thanh toán thì Hợp tác xã D vẫn tiếp tục thanh toán phần nợ còn thiếu cho Ngân hàng đến khi xong nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu G do ông Đoàn Công Đ là người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Lời trình bày của phía Ngân hàng về số nợ vay và tài sản bảo lãnh là đúng. Tuy nhiên ông Đ, bà N và Hợp tác xã D xin được chậm trả số tiền vốn vay và các khoản trên trong thời gian 12 tháng tính từ ngày 29/12/2022 để có thời gian thanh lý tài sản là các thửa đất để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra xin Ngân hàng không tính các khoản lãi còn lại phải trả từ ngày 29/12/2022 cho đến khi Hợp tác xã D thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà là vợ ông Đ, bà thống nhất lời trình bày của ông Đ, bà không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông thống nhất lời trình bày của ông Đ, ông không trình bày gì thêm.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Kim N1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc Thanh T, bà Đặng Thị Tố M trình bày như sau: Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T, bà M về phần tài sản bảo

lãnh là hai thửa đất cho Hợp tác xã D thì ông T, bà M không đồng ý. Ông T, bà M yêu cầu Hợp tác xã D trả lại 02 GCNQSDĐ đối với hai thửa đất số 63, 64 vì Hợp tác xã D mượn 02 GCNQSDĐ trên để thế chấp Ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với Hợp tác xã D.

1.1. Buộc Hợp tác xã D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng cộng vốn vay và các khoản lãi của ba hợp đồng tín dụng là: 13.048.120.329 đồng, trong đó:

Vốn vay gốc còn lại của 03 hợp đồng: 10.968.533.009 đồng.

Lãi trong hạn còn lại của 03 hợp đồng: 81.320.544 đồng.

Lãi quá hạn còn lại của 03 hợp đồng: 1.929.379.552 đồng.

Lãi chậm trả lãi còn lại của 03 hợp đồng: 68.887.224 đồng.

Tổng cộng vốn vay và các khoản lãi còn lại của 03 hợp đồng là: 13.048.120.329 đồng (mười ba tỷ không trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

Các khoản lãi phát sinh sau ngày 12/4/2023 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành thẻ cho đến khi Hợp tác xã D trả xong nợ cho Ngân hàng.

Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp hợp đồng vay gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.998,8m² theo GCNQSDĐ số CI 467585 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 08363) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 11/7/2017, đất tọa lạc tại xã P. Tài sản này thuộc sở hữu của ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay OIK.BĐDN.112280.820, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.151, và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.637m² theo GCNQSDĐ số CI 467359 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 05579) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 26/6/2017, đất tọa lạc tại xã V. Tài sản này thuộc sở hữu của ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.122.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.153, và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 64, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.784,7m² theo GCNQSDĐ số BĐ 380783 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01953) do Ủy ban nhân dân huyện C tỉnh Long An cấp ngày 20/12/2010, đất tọa lạc tại xã D. Tài sản này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc Thanh T và bà Đặng Thị Tố M, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.134.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.164 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 63, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.893,7m² theo GCNQSDĐ số BĐ 380784 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01952) do Ủy ban nhân dân huyện C tỉnh Long An cấp ngày 20/12/2010, đất tọa lạc tại xã D. Tài sản này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc Thanh T và bà Đặng Thị Tố M, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.134.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.164 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp hợp đồng vay tiếp tục thực hiện đến khi Hợp tác xã D thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Hợp tác xã D không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh đã thế chấp cho Ngân hàng của bà M, ông T, ông Đ, bà N để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận. Trường hợp tài sản thế chấp bảo lãnh của bà M, ông T, ông Đ, bà N không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bà M, ông T, ông Đ, bà N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nợ còn lại cho Ngân hàng theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 28/8/2020 và ngày 04/8/2021. Nếu sau khi bà M, ông T, ông Đ, bà N thực hiện trả nợ theo giấy cam kết ngày 28/8/2020 và ngày 04/8/2021 vẫn không đủ thì Hợp tác xã D vẫn tiếp tục thanh toán phần nợ còn thiếu cho Ngân hàng đến khi xong nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 26 và 27/4/2023, Tòa án nhân dân huyện C nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Thanh T, bà Đặng Thị Tố M, ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trường hợp nếu đã xử lý hết phần tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý tiếp phần tài sản cố định của Hợp tác xã D để trả nợ cho ngân hàng, các ông bà không đồng ý cá nhân các ông bà phải thanh toán nợ cho Hợp tác xã D.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà N vắng mặt không lý do; ông T và bà M có đơn xin xét xử vắng

mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

- Do ông Đ và bà N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đ và bà N.

- Đối với kháng cáo của ông T và bà M thấy rằng: Do các Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng A với Hợp tác xã D và ông T, bà M đúng trình tự thủ tục, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Bà M, ông T tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí phát sinh liên quan của số tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và Hợp tác xã D. Mặt khác, theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 28/8/2020 và ngày 04/8/2021, ông T, bà M cũng cam kết đồng ý cùng trả nợ với Hợp tác xã D, Ngân hàng A có quyền yêu cầu ông T, bà M hoặc Hợp tác xã D hoặc cả hai để cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc xử lý tài sản thế chấp, trong trường hợp tài sản thế chấp bảo lãnh của bà M, ông T không đủ để trả nợ cho Ngân hàng A thì bà M, ông T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà M, ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ, Tòa

án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Thanh T, bà Đặng Thị Tố M, ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trường hợp nếu đã xử lý hết phần tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý tiếp phần tài sản cố định của Hợp tác xã D để trả nợ cho ngân hàng, các ông bà không đồng ý cá nhân các ông bà phải thanh toán nợ cho Hợp tác xã D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Ông Đoàn Công Đ và bà Đặng Thị Tố M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đ và bà M.

[5] Ông Nguyễn Ngọc Thanh T và bà Đặng Thị Tố M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét kháng cáo của ông T và bà M thấy rằng: Các Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.134.280820 và Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.134.280820, cùng ngày 28/8/2020 được ký kết giữa Ngân hàng A với ông Nguyễn Ngọc Thanh T, bà Đặng Thị Tố M và Hợp tác xã D là hoàn toàn tự nguyện, các Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Trong các Hợp đồng thế chấp đã nêu rõ nội dung hợp đồng thế chấp và phạm vi bảo đảm là bên thế chấp tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí phát sinh liên quan của số tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bên được cấp tín dụng. Mặt khác, theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 28/8/2020 và ngày 04/8/2021, ông T và bà M cũng cam kết đồng ý cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng là Hợp tác xã D. Do đó Ngân hàng A có quyền yêu cầu ông T và bà M hoặc Hợp tác xã D hoặc cả hai để cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc xử lý tài sản thế chấp, trong trường hợp tài sản thế chấp bảo lãnh của bà M và ông T không đủ để trả nợ cho Ngân hàng A thì bà M và ông T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông T và bà M kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để xem xét nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà M, căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đ và bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T, bà M, ông Đ và bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Thanh T và bà Đặng Thị Tố M.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 148, 157, 158, 296 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 18, 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A về tranh chấp hợp đồng tín dụng với Hợp tác xã D.

Buộc Hợp tác xã D phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng cộng vốn vay và các khoản lãi với số tiền 13.048.120.329đ (mười ba tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng), trong đó vốn vay gốc 10.968.533.009đ (mười tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, không trăm lẻ chín đồng), lãi trong hạn 81.320.544đ (tám mươi một triệu, ba trăm hai mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng), lãi quá hạn 1.929.379.552đ (một tỷ, chín trăm hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng), lãi chậm trả lãi 68.887.224đ (sáu mươi tám triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng).

Các khoản lãi phát sinh sau ngày 12/4/2023 được tính theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số OIK.DN.1066.280.820 ngày 28/8/2020, Hợp đồng tín dụng số OIK.DN.2179.270721 ngày 04/8/2021 và Hợp đồng phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp số OIK.DN.3074.251120 ngày 30/11/2020 cho đến khi Hợp tác xã D trả nợ xong.

Các tài sản đảm bảo cho việc thế chấp hợp đồng vay tiếp tục thực hiện đến khi Hợp tác xã D thanh toán xong nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.998,8m², đất tại xã P, huyện C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 467585, số vào sổ cấp GCN: CS 08363 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 11/7/2017 cho ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay OIK.BĐDN.112280.820, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.151, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.637m², đất tại xã V, huyện C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 467359, số vào sổ cấp GCN: CS 05579 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 26/6/2017 cho ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.122.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.153, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 64, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.784,7m², đất tại xã D, huyện C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 380783, số vào sổ cấp GCN: CH 01953 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/12/2010 cho ông Nguyễn Ngọc Thanh T và bà Đặng Thị Tố M, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.134.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.164 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 63, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.893,7m², đất tại xã D, huyện C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 380784, số vào sổ cấp GCN: CH 01952 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/12/2010 cho ông Nguyễn Ngọc Thanh T và bà Đặng Thị Tố M, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số OIK.BĐDN.134.280820 ngày 28/8/2020, do Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng ngày 28/8/2020, số công chứng 7.164 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C.

Trường hợp Hợp tác xã D không thanh toán số tiền nêu trên hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu xử lý các tài sản bảo lãnh đã thế chấp của ông Nguyễn Ngọc Thanh T, bà Đặng Thị Tố M, ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận. Trường hợp tài sản thế chấp bảo lãnh của bà M, ông

T, ông Đ và bà N không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Athì bà M, ông T, ông Đ và bà N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 28/8/2020 và ngày 04/8/2021. Nếu sau khi bà M, ông T, ông Đ và bà N thực hiện trả nợ theo Giấy cam kết ngày 28/8/2020 và ngày 04/8/2021 vẫn không đủ thì Hợp tác xã D phải tiếp tục thanh toán phần nợ còn thiếu cho Ngân hàng đến khi trả xong nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 5.650.000đ (năm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng), buộc Hợp tác xã D phải chịu. Do Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng nên Hợp tác xã D có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A 5.650.000đ (năm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hợp tác xã D phải chịu 121.048.120đ (một trăm hai mươi một triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 119.450.000đ (một trăm mười chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008115 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc Thanh T, bà Đặng Thị Tô M, ông Đoàn Công Đ và bà Nguyễn Thị Kim N mỗi người phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại. Khấu trừ mỗi người 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo các Biên lai thu số 0006816, 0006817, 0006814, 0006815, cùng ngày 05/5/2023 và 0006946, 0006947, 0006948 và 0006945, cùng ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Ông T, bà M, ông Đ và bà N đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc